

Bản án số: 314/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du.

Ông Nguyễn Văn Trình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ: Bà Đoàn Thị Xuân Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, tp . xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O, sinh năm: 1987. Địa chỉ: K T, Phường H, C, Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: K T, Phường H, C, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/10/2009 bà và ông T có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, quận H, tp . Từ lúc cưới đến bây giờ, hai vợ chồng bà hay xảy ra mâu thuẫn vì ông T hay gây ra nợ nần do cá độ banh bóng, suốt ngày đi nhậu không lo làm ăn và tiếp tục gây ra nợ. Nhưng bà vẫn cố gắng sống vì con còn nhỏ. Ngoài ra, bà không chấp nhận việc ông T thường xuyên có hành vi xúc phạm đến bà. Nhiều lần bà có quyết định thuận tình ly hôn nhưng ông T không đồng ý. Bà nhận thấy mâu thuẫn trong cuộc sống đã trầm trọng và bà không còn tình cảm gì với chồng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

- *Về con chung:* ông bà có 02 con gồm: Lê Minh Đ, sinh năm 2010 và Lê Minh S, sinh năm 2012. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con

chung và yêu cầu ông **T** chu cấp cho hai cháu số tiền 3 triệu/ tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Lê Đức T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **T** vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày đối với yêu cầu của bà **O**.

Theo biên bản xác minh ngày 02/8/2023 có xác nhận của Tổ dân phố **số A, phường H, quận C, tp .**, ông **Lê Đức T** và bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** kết hôn và sinh sống tại địa phương. Giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xô xát và cãi vã.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu **Lê Minh S** và **Lê Minh Đ** đều có mong muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

*** *Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** đối với ông **Lê Đức T**.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu **Lê Minh Đ** và cháu **Lê Minh S** cho bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông **T** cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng mỗi tháng (mỗi cháu 1.500.000 đồng mỗi tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị HĐXX không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Lê Đức T**, yêu cầu nuôi con chung và đề nghị cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông **Lê Đức T** hiện cư trú tại **K T, Phường H, C, Đà Nẵng**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Ông **Lê Đức T** đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[4] Về quan hệ hôn nhân:

[4.1] Bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** và ông **Lê Đức T** tự nguyện kết hôn năm 2012, có Giấy đăng ký kết hôn số 133 ngày 19/10/2009 do **UBND phường T, quận H, tp Đà Nẵng** cấp. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O**, HĐXX nhận thấy:

Sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không tìm được tiếng nói chung, thường hay cãi vã và xô xát. Điều này cũng được đại diện Tổ dân phố xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** xác định không còn tình cảm với ông **T** nữa và đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn. Ông **Lê Đức T** mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do và không có văn bản trình bày đối với yêu cầu ly hôn của bà **O**. Điều này chứng tỏ ông không có nguyện vọng cứu vãn cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O** đối với ông **Lê Đức T**.

[5] Về con chung và cấp dưỡng: Bà **O** xác nhận vợ chồng có 02 con chung gồm: **Lê Minh Đ**, sinh năm 2010 và **Lê Minh S**, sinh năm 2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu **Lê Minh Đ** và cháu **Lê Minh S** đều thể hiện nguyện vọng được sống chung với bà **O** sau khi bố mẹ ly hôn. Ông **Lê Đức T** cũng không có ý kiến trình bày nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu nào. Các cháu cũng thể hiện mong muốn được ở với mẹ sau khi ông bà ly hôn. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà **O**, giao cháu **Lê Minh Đ** và cháu **Lê Minh S** cho bà **O** trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với mức cấp dưỡng, bà **O** yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con

1.500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu. Xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp với nhu cầu sinh sống, học tập của các cháu nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH. Ông Lê Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà O được chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83. 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O đối với ông Lê Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O được ly hôn với ông Lê Đức T

2. Về con chung và cấp dưỡng:

Giao Lê Minh Đ, sinh năm 2010 và Lê Minh S, sinh năm 2012 cho bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000 đồng mỗi tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2023.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009410 ngày 29/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O đã nộp đủ án phí.

- Ông Lê Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà Công Huyền Tôn Nữ Tuyết O có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Đức T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Lê Đức T chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Thanh Bình;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Du

Nguyễn Văn Trình

Nguyễn Hữu Hưng